

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 41/2022/DS-GĐT

Ngày 27/8/2022

Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Cường**.

Các Thẩm phán: ông **Trương Minh Tuấn** và ông **Nguyễn Văn Tào**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Hồng Nhạn** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Việt Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. *Nguyên đơn:* ông **Đặng Minh H**, địa chỉ: số X đường Nguyễn Hữu T, tổ dân phố Y, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp ĐP; địa chỉ: Ký túc xá sinh viên ĐP, tổ dân phố x, phường BL, thành phố ĐH, tỉnh QB.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị T2**; địa chỉ: số X đường Nguyễn Hữu T, tổ dân phố Y, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình.

- Bà **Nguyễn Thị L**; địa chỉ: số x đường y, phường PH, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Phạm Xuân T**; địa chỉ: tổ dân phố x, phường BL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông **Đặng Minh H** trình bày: Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp ĐP (sau đây gọi tắt là Công ty ĐP) do ông **Phạm Xuân T** – giám đốc là đại diện theo pháp luật và bà **Nguyễn Thị L** (vợ ông **Thái**) là giám đốc chi nhánh Công ty nhiều lần vay tiền của vợ chồng Ông để kinh doanh. Ngày 31/12/2016, hai bên đã tiến hành đối chiếu chốt công

nợ số tiền gốc và lãi mà Công ty ĐP còn nợ là 1.314.738.367 đồng, hai bên thỏa thuận tiền gốc sẽ trả trong năm 2017, tiền lãi sẽ trả hàng tháng theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm đó là 0,85%/tháng. Sau đó, Công ty ĐP chỉ trả lãi đến tháng 11/2017 mà không trả nợ gốc mặc dù vợ chồng Ông đã nhiều lần yêu cầu. Do đó, Ông khởi kiện yêu cầu Công ty ĐP phải thanh toán số nợ 1.314.738.367 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty ĐP chứng minh ngày 30/12/2018 đã chuyển trả số tiền 500.000.000 đồng nên Ông rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu Công ty ĐP thanh toán số tiền 814.738.367 đồng.

- *Bị đơn là Công ty ĐP trình bày:* Ông T, bà L đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp tại Công ty ĐP từ tháng 3/2020, hiện nay ông Hoàng Văn T1 là giám đốc Công ty ĐP. Khi nhận chuyển nhượng, ông T1 không được ông T thông báo về khoản nợ ông H cũng như việc Tòa án đang thụ lý giải quyết. Trong sổ sách, giấy tờ công nợ tại Công ty cũng không thể hiện khoản nợ này. Sau khi được Tòa án triệu tập, ông T1 mới biết ông H kiện đòi Công ty số tiền 814.738.367 đồng. Ông T1 đã trao đổi với ông T và xác định ông T, bà L sẽ có nghĩa vụ giải quyết với ông H chứ không phải Công ty.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Phạm Xuân T: trước năm 2012, Công ty ĐP có vay tiền của vợ chồng ông Đặng Minh H nhiều lần. Đến ngày 31/7/2012, hai bên chốt lại công nợ và lập Giấy vay mới có nội dung:

Số tiền gốc 500.000.000 đồng, lãi 2%/tháng. Lãi tháng 6, tháng 7: 20.000.000 đồng + gốc 500.000.000 đồng = 520.000.000 đồng x 2%.

Số tiền gốc 300.000.000 đồng, lãi 2,5%/tháng. Lãi tháng 6, tháng 7: 15.000.000 đồng + gốc 300.000.000 đồng = 315.000.000 đồng x 2,5%.

Số tiền gốc 50.000.000 đồng, lãi 4.000 đồng/1.000.000 đồng tính từ ngày 01/6/2012

Thời hạn vay đến 30/9/2012 nhưng sau đó do Công ty ĐP làm ăn khó khăn nên hai bên thỏa thuận gia hạn thời hạn trả nợ và trả lãi theo mức lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Công ty ĐP đã thực hiện việc trả nợ cho ông H, cụ thể: ngày 14/8/2015, trả 600.000.000 đồng; ngày 21/01/2016, trả 200.000.000 đồng; ngày 27/01/2017, trả 200.000.000 đồng; ngày 17/5/2017 trả 28.000.000 đồng; ngày 03/6/2017 trả 7.410.000 đồng; ngày 03/8/2017 trả 26.294.760 đồng; ngày 21/11/2017 trả 8.000.000 đồng; ngày 11/12/2017 trả 27.000.000 đồng. Công ty ĐP chỉ vay ông H 850.000.000 đồng theo giấy vay ngày 31/7/2012, đến ngày 11/12/2017 đã trả tổng cộng 1.096.705.760 đồng và chỉ còn nợ 340.000.000 đồng.

Về giấy nhận nợ ngày 31/12/2016: tính đến ngày 31/12/2016, Công ty ĐP đã thanh toán được 800.000.000 đồng, còn nợ khoảng 340.000.000 đồng nhưng ông H cho rằng nợ gốc và lãi lớn hơn nhiều nên lợi dụng lúc ông T đi công tác, ông H đem giấy nợ tới ép bà L phải ký xác nhận nợ. Do bị ông H ép và sợ ồn ào mất uy tín với nhân viên trong Công ty nên bà L tạm thời ký giấy xác nhận nợ. Việc ông H căn cứ giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2016 để khởi kiện yêu cầu Công ty ĐP trả nợ là không đúng, bởi lẽ đây là khoản nợ của Công ty ĐP thì chỉ ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty mới

có thẩm quyền ký xác nhận nợ, bà L không được ông T ủy quyền và chưa đối chiếu, rà soát sổ sách kế toán nên số nợ mà bà L xác nhận là không chính xác nên không đồng ý trả nợ. Tại phiên hòa giải ngày 18/02/2020, ông T xác định ngày 30/10/2018, đã trả 500 triệu nên đề nghị trả thêm cho ông H 200 triệu.

- Bà Nguyễn Thị L: Thống nhất với lời trình bày của ông T. Ngày 31/12/2016, Bà ký xác nhận nợ không phải với tư cách cá nhân mà là xác nhận khoản nợ của Công ty DP, việc xác nhận chỉ là tạm thời để giám đốc về kiểm tra lại cho chính xác nên không đồng ý với số nợ 1.314.738.367 đồng.

- Bà Nguyễn Thị T2: Thống nhất với yêu cầu của chồng Bà là ông H

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 11/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố DH, tỉnh Quảng Bình quyết định:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 385, 401, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh H đối với Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp DP, xử buộc Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp DP phải trả cho ông Đặng Minh H tính đến ngày 11/01/2021 số tiền gốc là 814.738.367 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

- Ngày 25/01/2021, Công ty DP kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 25/01/2021, bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 18/2021/DS-PT ngày 13/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS. Áp dụng các Điều 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự 2005, các Điều 463, 465, 466, 468 BLDS năm 2015; các Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp DP và bà Nguyễn Thị L. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố DH, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh H về việc buộc Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp DP phải trả cho ông Đặng Minh H số tiền 814.737.367 đồng.

Ngoài ra bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 06/8/2021, ông Đặng Minh H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/QĐ-VKS-DS ngày 08/6/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét

xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 18/2021/DS-PT ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tính pháp lý của Giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2016:

Mặc dù Giấy nhận nợ chỉ do bà Nguyễn Thị L là giám đốc Chi nhánh của Công ty ĐPKý tên và đóng dấu trong khi bà L không được giám đốc Công ty ĐP ủy quyền nhưng cả bà L và ông T (giám đốc Công ty ĐP) đều thừa nhận việc mượn tiền của ông H là để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty ĐP. Đồng thời, bà L còn là thành viên trong Hội đồng thành viên của Công ty ĐP và nhiều lần chuyển tiền trả nợ gốc cũng như nợ lãi cho ông H; Giấy vay tiền ngày 31/7/2012 thể hiện bên vay là Chi nhánh Công ty ĐP và bà L ký xác nhận; Giấy mời ngày 23/5/2018 để đối chiếu công nợ và trả nợ cũng do bà L ký tại mục người đứng vay. Ngoài ra, bà L và ông T còn là vợ chồng. Do đó, mặc dù Giấy vay tiền ngày 31/12/2016 do bà L ký là không đúng thẩm quyền nhưng phù hợp với các giao dịch vay tiền từ trước đến nay giữa các bên nên có giá trị pháp lý.

[2.] Về số nợ theo Giấy vay tiền ngày 31/12/2016:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận số nợ theo Giấy vay nợ ngày 31/12/2016 là tiền chót nợ gốc và lãi của quá trình vay mượn trước đó. Qua các tài liệu có tại hồ sơ thì giữa hai bên chỉ có Giấy vay ngày 31/7/2012 với số nợ gốc là 850 triệu và mức lãi suất là 2%, 2,5%/ tháng, 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Như vậy có thể khẳng định khoản vay ngày 31/12/2016 là xuất phát từ nợ gốc và lãi của khoản vay ngày 31/7/2012.

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước phiên hòa giải ngày 18/02/2020, ông T đều khẳng định chỉ vay ông H số tiền theo Giấy vay ngày 31/7/2012 và đã chuyển trả nợ cho ông H xong nên không còn nợ nữa. Tại phiên hòa giải ngày 18/02/2020, ông T, bà L thừa nhận số tiền 1.314.738.367 đồng trong giấy nợ ngày 31/12/2016 là do bà L viết và ký, sau đó đã trả 500 triệu nên đề nghị trả thêm 200 triệu, không có nội dung nào thể hiện ông T, bà L thừa nhận còn nợ 1.314.738.367 đồng. Sau khi hòa giải không thành, ông T cũng như người đại diện theo ủy quyền đều xác định chỉ vay theo Giấy vay ngày 31/7/2012, đã thanh toán xong nên không đồng ý trả nợ. Như vậy, ông T, bà L chỉ thừa nhận có ký vào Giấy nhận nợ ngày 31/12/2016 nhưng không thừa nhận số tiền nợ. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng tại phiên hòa giải ngày 18/02/2020, ông T, bà L thừa nhận còn nợ 1.314.738.367 nên phải trả nợ cho ông H là không phù hợp với lời khai và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Do lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy vay ngày 31/7/2012 là vượt quá quy định của pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm đã tính lại cho đúng. Sau khi đối chiếu số tiền vay, tiền lãi theo quy định của pháp luật và số tiền đã trả thì Công ty ĐP đã thanh toán

xong toàn bộ số nợ cho ông H nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 337; khoản 1 Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/QĐ-VKS-DS ngày 08/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 18/2021/DSPT ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã xét xử vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Đặng Minh H với bị đơn là Công ty TNHH xây dựng tổng hợp ĐP;

2. Bản án dân sự phúc thẩm số 18/2021/DSPT ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiếp tục có hiệu lực thi hành.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- TAND Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA dân sự Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GDKT II, HC-TP, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Tuấn

Nguyễn Văn Tào

Nguyễn Cường